

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-7-2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng
2. Ông Hồ Xuân Giao

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1980 - Có mặt.

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Tạ Quang P, sinh năm 1978 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2018 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H trình bày: Chị Huỳnh Thị Mỹ H và anh Tạ Quang P tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ tháng 10/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, anh P không có trách nhiệm với gia đình và không chung thủy mà còn đánh đuổi mẹ con chị H ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Suốt trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có thiện

chỉ hàn gắn tình cảm, mà bỏ mặc không quan tâm tới nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên chị H xin ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị H có 02 con chung là Tạ Huỳnh Anh T, sinh 01/7/2004 và Tạ Huỳnh Phúc K, sinh 12/01/2015. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị H là giáo viên trường Trung học cơ sở Đ, thành phố B, tiền lương 6.398.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ: Không có .

Bị đơn anh Tạ Quang P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tạ Quang P đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Huỳnh Thị Mỹ H và anh Tạ Quang P tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ .

Quá trình duy trì hôn nhân chị H – anh P thường xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ tháng 10/2017 và vợ chồng chị H sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho tới nay, nguyên nhân do quan điểm bất đồng, suốt trong quá trình sống ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau. Về phía anh P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ nhưng anh P không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H – anh P đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn

tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh P của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H – anh P có 02 con chung là Tạ Huỳnh Anh T, sinh 01/7/2004 và Tạ Huỳnh Phúc K, sinh 12/01/2015, từ khi vợ chồng ly thân hai cháu đều ở với chị H, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho các cháu, ý kiến của cháu Thư cũng xin được ở với chị H, bản thân chị H là giáo viên có thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị H xác định không có.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Mỹ H và anh Tạ Quang P.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Tạ Huỳnh Anh T sinh 01/7/2004 và Tạ Huỳnh Phúc K, sinh 12/01/2015 cho chị Huỳnh Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Tạ Quang P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở .

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị

H đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0003448 ngày 27/3/2017.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã H, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư